

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số” giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Công văn số 1336-CV/BCSCLTW ngày 24/11/2025 của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương về việc hướng dẫn tổng kết sâu và xây dựng các báo cáo, chương trình hành động để triển khai các nhiệm vụ tại Kết luận 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên xây dựng Chương trình hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số” giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số” trong giai đoạn 2026-2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững trong giai đoạn đến năm 2045; tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động; bám sát các quan điểm phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con số” trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, phù hợp với bối cảnh và tình hình thực tế, phấn đấu đến năm 2030 đưa tỉnh Hưng Yên phát triển nhanh, bền vững, theo hướng công nghiệp, đô thị hiện đại, văn minh, đến năm 2035, Hưng Yên là tỉnh công nghiệp hiện đại, đáp ứng tiêu chí đô thị loại I và đến năm 2045, Hưng Yên là thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung ương.

2. Đề ra các nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án cần triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”; phân công trách nhiệm cụ thể, rõ nguồn lực, tiến độ và các điều kiện đảm bảo thực hiện, làm căn cứ để các cấp, các ngành tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Về phát triển kinh tế

(1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP, theo giá so sánh) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 10-11%/năm; phấn đấu đạt trên 11%/năm;

(2) Quy mô GRDP (theo giá hiện hành) đến năm 2030 đạt trên 600.000 tỷ đồng;

(3) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt trên 180 triệu đồng và phấn đấu tiệm cận mức GDP bình quân đầu người cả nước;

(4) Cơ cấu kinh tế trong GRDP đến năm 2030: Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: 8%; Khu vực công nghiệp, xây dựng: 60%; Khu vực dịch vụ: 27,5%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 4,5%;

(5) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 11,5-12%/năm; trong đó khu vực: Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2,3-2,5%/năm; Công nghiệp đạt 12,5-13%/năm; Xây dựng đạt 15,5-16%/năm và Dịch vụ đạt 8,5-9%/năm;

(6) Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 1.100.000 tỷ đồng; tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội so GRDP đạt 47,6%;

(7) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 đạt khoảng 65.000 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa khoảng 57.000 tỷ đồng (*thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất khoảng 36.000 tỷ đồng*); thu xuất, nhập khẩu khoảng 8.000 tỷ đồng; phần đầu cuối nhiệm kỳ, tỉnh Hưng Yên đạt mục tiêu tự cân đối và có điều tiết một phần về ngân sách trung ương;

(8) Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030 đạt 50%;

(9) Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt trên 11%/năm;

(10) Tốc độ tăng năng suất lao động (theo giá so sánh) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt trên 10%/năm;

(11) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 50%;

(12) Xếp hạng các chỉ số: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đến năm 2030 thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu.

2. Về phát triển xã hội

(13) Chỉ số phát triển con người HDI đến năm 2030 đạt mức 0,79;

(14) Tuổi thọ trung bình đến năm 2030 đạt 76,8 năm; trong đó, thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 70 năm;

(15) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt dưới 1%/năm;

(16) Số bác sỹ trên 1 vạn dân đến năm 2030 đạt trên 15 bác sỹ;

(17) Số giường bệnh trên 1 vạn dân đến năm 2030 đạt trên 43 giường;

(18) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 99% dân số;

(19) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 đạt 60%;

(20) Giai đoạn 2026-2030, tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hàng năm đạt 100%;

(21) Tỷ lệ thất nghiệp chung đến năm 2030 dưới 1,5%; trong đó, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 1,7%, ở nông thôn dưới 1,35%;

(22) Phát triển nhà ở xã hội đến năm 2030 đạt 47.000 căn hộ;

(23) Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động đến năm 2030 giảm còn 15%;

(24) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030 đạt trên 40,5%;

(25) Tỷ lệ trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông thuộc cả khối công lập và khối ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 95%; trong đó, 100% trường mầm non, trường tiểu học và trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia;

(26) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến năm 2030 đạt dưới 0,5%;

(27) Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo chuẩn của giai đoạn 2025-2030) đến năm 2030 đạt trên 70%; trong đó, trên 15% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (theo chuẩn của giai đoạn 2025-2030);

(28) Giai đoạn 2026-2030, tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” hằng năm đạt trên 90%.

3. Về bảo vệ môi trường

(29) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đến năm 2030 đạt 100%;

(30) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đến năm 2030 đạt 100%;

(31) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý an toàn theo quy định đến năm 2030 đạt 100%;

(32) Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030 đạt 100%;

(33) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đến năm 2030 đạt 100%;

(34) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đến năm 2030 đạt 100%;

(35) Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đến năm 2030 đạt khoảng 70%.

4. Về quốc phòng, an ninh

(36) Giai đoạn 2026-2030, hằng năm, kiềm chế, kéo giảm ít nhất 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp, đô thị hiện đại, văn minh; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cơ cấu, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng, động lực chính là đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Cơ cấu lại toàn diện và phát triển nền công nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, lao động và thân thiện môi trường trên cơ sở tạo lập hệ sinh thái công nghiệp đồng bộ, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát huy các tiềm năng, thế mạnh để đưa Hưng Yên trở thành một trung tâm công nghiệp, năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng. Tập trung thu hút đầu tư

và phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, nền tảng, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, điện tử, bán dẫn, tự động hóa, công nghệ số, chế biến, chế tạo, ô tô, dược, thiết bị y tế, năng lượng, công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Triển khai xây dựng nhanh, phát triển mạnh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, nhất là các khu công nghiệp quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế; ưu tiên phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ và các khu công nghiệp hỗ trợ. Đẩy nhanh tiến độ dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp dược - sinh học và thu hút đầu tư, phát triển trở thành trung tâm công nghiệp dược hàng đầu của vùng và cả nước.

Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sớm đưa Hưng Yên trở thành trung tâm năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng. Xây dựng trung tâm công nghiệp năng lượng tích hợp; hình thành chuỗi khí, điện; hydrogen, nhà máy điện. Ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; khuyến khích đầu tư điện hạt nhân module nhỏ. Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình, các dự án sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời áp mái, điện sinh khối, điện rác, hệ thống dự trữ năng lượng...

Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng tài nguyên ven sông, ven biển; phát triển các ngành kinh tế hàng hải, cảng sông, cảng cạn và dịch vụ hậu cần logistics gắn với chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực đồng bằng sông Hồng. Phát triển kinh tế biển bền vững với mô hình khu kinh tế tự do đa ngành đối chuẩn quốc tế trên cơ sở chuyển đổi khu kinh tế hiện có gắn với lấn biển trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ, sản xuất công nghiệp công nghệ cao, năng lượng mới, logistics, cảng biển, sân bay, đô thị nghỉ dưỡng biển, giải trí. Trình cấp có thẩm quyền thành lập và triển khai xây dựng Khu kinh tế tự do gắn với cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội; trở thành một trong những khu kinh tế mở, năng động, thân thiện với nhà đầu tư bậc nhất châu Á. Thực hiện có hiệu quả phương án phân bổ và sử dụng không gian biển; phát triển không gian kinh tế hướng biển để làm giàu từ biển; mở rộng khu kinh tế tự do thông qua lấn biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia, tạo quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội hài hòa với bảo tồn phục hồi, phát triển hệ sinh thái biển tại các khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước.

- Phát triển dịch vụ, thương mại chất lượng cao. Xây dựng hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch đồng bộ, đa dạng; kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ công nghệ cao, bản lẻ, phân phối, tài chính, ngân hàng, viễn thông, khoa học công nghệ, y tế, giáo dục, đào tạo, du lịch, vui chơi, giải trí... Ưu tiên phát triển một số trung tâm thương mại, logistics, khu vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng lớn tầm vùng và quốc gia; xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ lớn trong các khu vực đô thị. Xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm trung chuyển, phân phối hàng hóa quan trọng của vùng và liên vùng. Phát triển đồng bộ các thị trường và ổn định giá cả hàng hóa. Quản lý chặt chẽ thị trường hàng hóa, dịch vụ cạnh tranh lành mạnh. Phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, hiệu quả, đưa Hưng Yên trở thành thị trường bất động sản lớn của khu vực.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, kinh tế biển, năng lượng và hạ tầng số; ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông đa phương thức, cảng biển, các trục giao thông kết nối với các đường cao tốc, quốc lộ, kết nối với thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Duyên hải Bắc Bộ; các tuyến đường trục kết nối các trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị, thương mại, du lịch của tỉnh.

Phát triển mạnh mẽ hệ thống đô thị hiện đại, thông minh, bền vững gắn với phát triển kinh tế đô thị và dịch vụ, thương mại, du lịch chất lượng cao. Phát triển chuỗi các đô thị và có sự kết nối giữa các đô thị trung tâm, đô thị chức năng; phát triển các khu đô thị lớn, thông minh, sinh thái, hiện đại, mô hình đô thị mới theo định hướng giao thông (TOD). Tăng nhanh tốc độ đô thị hóa và nâng cao tỷ lệ đô thị hóa; xác định đô thị hóa cùng với phát triển kinh tế đô thị là một trong những động lực phát triển của tỉnh. Đẩy mạnh thu hút đầu tư và tiến độ triển khai các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, đặc biệt là các dự án quan trọng, có ảnh hưởng lớn tới các chỉ tiêu phát triển đô thị và chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

Rà soát, hoàn thiện phương án quy hoạch và tập trung đầu tư phát triển hệ thống giao thông, trọng tâm là giao thông, vận tải đa phương tiện, khối lượng lớn, tốc độ cao, chi phí thấp, nhất là đường sắt đô thị tốc độ cao, đường cao tốc, đường quốc lộ, đường biển, đường sông, đường thủy; các tuyến đường giao thông trục chính của tỉnh, tuyến giao thông kết nối với thủ đô Hà Nội, các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng, các tuyến giao thông kết nối các trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị. Đến năm 2030, cơ bản hoàn thành xây dựng các công trình giao thông trọng điểm kết nối đồng bộ giữa các khu vực trong tỉnh¹; kết nối với thủ đô Hà Nội, các tỉnh lân cận; kết nối các khu công nghiệp, hệ thống cảng sông, cảng biển, cảng cạn, bến thủy nội địa và các trung tâm kinh tế, công nghiệp, thương mại, trung tâm logistics.

Thực hiện quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án; chủ động, kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, nhất là đối với công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, quốc gia trên địa bàn tỉnh; không để xảy ra tình trạng dự án chờ mặt bằng sạch, chậm tiến độ triển khai, giải ngân vốn vì thiếu mặt bằng sạch.

- Cơ cấu lại toàn diện, phát triển nền nông nghiệp xanh, sạch, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; chuyển sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn cao hơn, hướng tới mô hình nông thôn mới hiện đại, văn minh. Đẩy mạnh

¹ Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án, nhất là hạ tầng giao thông trọng điểm của tỉnh, có tính chất liên kết, kết nối vùng (đường vành đai 3,5; đường kết nối di sản văn hóa, du lịch phát triển kinh tế dọc sông Hồng; đường Tân Phúc - Vĩnh Phan; đường cao tốc CT.08; đường từ Thái Bình đi cồn Vành; đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô; đường từ phường Thái Bình đi xã Hưng Hà kết nối với phường Phố Hiến; Tuyến đường Đông - Tây kết nối từ phường Phố Hiến về cảng biển Diêm Điền; tuyến đường Bắc - Nam kết nối từ Hưng Yên qua các phường khu vực phía Nam tỉnh đến Cồn Vành...), các dự án trọng điểm trong, ngoài Khu kinh tế (các khu công nghiệp: VISIP, Hải Long, Hưng Phú, Số 1, Dược - Sinh học; nhà máy nhiệt điện LNG; nhà máy sản xuất Amoniac...), các dự án đầu tư thứ cấp trong các khu, cụm công nghiệp và hạ tầng khu đô thị, nhà ở... Chủ động phối hợp với các bộ ngành, tranh thủ nguồn lực hỗ trợ của trung ương, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục, sớm triển khai đầu tư xây hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung (Cảng biển Diêm Điền; Đại học Bách Khoa cơ sở 2, Trường đại học Y Dược Thái Bình thành trường đại học thông minh; cầu Tiên Hưng, cầu Mai Động, cầu Hưng Thái...); nghiên cứu, đề xuất quy hoạch và đầu tư tuyến đường trục chiến lược Bắc - Nam của tỉnh với quy mô lớn, kết nối Hà Nội với Khu kinh tế tự do và vùng biển của Hưng Yên...

tích tụ, tập trung đất đai, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và nông dân, phát triển các ngành chế biến, hình thành chuỗi giá trị nông, thủy sản chất lượng cao, xuất khẩu. Chú trọng phát triển các đặc sản truyền thống và sản phẩm nông sản có lợi thế cạnh tranh của địa phương; hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, vùng nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản gắn với thực hiện các biện pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU), bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả vùng đất ngập nước ven biển, bảo đảm việc phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp gắn chặt với bảo vệ môi trường và phát huy sự đa dạng hệ sinh thái trong các khu bảo tồn thiên nhiên. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo chuẩn mực mới với hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, sinh kế bền vững, gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương; thu hẹp chênh lệch chất lượng cuộc sống và mức độ thụ hưởng giữa khu vực nông thôn và thành thị. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kinh tế nông thôn sinh thái, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ khu vực nông thôn.

- Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, triển khai các mô hình kinh tế mới, mang tính sáng tạo là nền tảng, động lực, tạo đột phá về tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Triển khai quyết liệt, hiệu quả chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực và toàn xã hội, trong đó lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm. Ưu tiên phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực chiến lược, có thế mạnh của tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, công viên công nghệ, trung tâm dữ liệu... trong Khu đại học phố Hiến, Khu kinh tế tự do.

- Tiếp tục phát triển, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp FDI, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình. Xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất, là đòn bẩy của kinh tế địa phương. Xây dựng hệ thống doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động lành mạnh, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu trong các lĩnh vực công nghiệp, năng lượng, bất động sản, thương mại, dịch vụ, logistics, kinh tế biển. Tạo điều kiện để các hộ kinh doanh thành lập doanh nghiệp; phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thành doanh nghiệp lớn. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các hợp tác xã, giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, hộ kinh doanh tham gia các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị. Rà soát, hoàn thiện các quy định, cơ chế chính sách quản lý, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể được thành lập, hoạt động hiệu quả, phát triển bền vững.

- Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế; tập trung huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục triển khai cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng bền vững, hiệu quả hơn; đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu, cơ sở thu; tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, tài chính, tài sản công. Phát triển đồng bộ các thị trường và ổn định giá cả hàng hóa. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí

địa lý (nằm sát thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, tam giác tăng trưởng Bắc bộ), lợi thế về biển, hạ tầng giao thông phát triển đồng bộ, kết nối cao, tiềm năng về đất đai, lao động. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung đầu tư cho các khâu đột phá chiến lược, các ngành, lĩnh vực, địa bàn mang tính động lực phát triển; phát huy vai trò của đầu tư công mở đường, lôi kéo, dẫn dắt đầu tư tư nhân; tăng cường triển khai các phương thức đầu tư đối tác công tư, nhất là trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách địa phương; mở rộng nguồn thu, cơ sở thu, thu từ thuế, phí; giảm dần tỷ trọng nguồn thu không bền vững; bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách. Quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước theo quy định; thực hiện tiết kiệm và nâng cao hiệu quả chi ngân sách, bảo đảm đúng dự toán, tiêu chuẩn, định mức chi, nhiệm vụ chi.

- Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai. Tập trung nâng cao năng lực bảo vệ môi trường và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu vì mục tiêu phát triển bền vững; tăng cường triển khai đồng bộ giải pháp “phòng” đi đôi với “chống” ô nhiễm môi trường, kiểm soát an toàn các nguồn phát thải; kiên quyết xử lý dứt điểm các điểm “nóng” ô nhiễm môi trường. Đến năm 2030, hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên, môi trường hiện đại. Huy động cả hệ thống chính trị tham gia công tác giải phóng mặt bằng đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án. Quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng hiệu quả các mỏ cát, đất, vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Tập trung đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn; xây dựng các khu xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt quy mô lớn, công nghệ hiện đại, thu hồi năng lượng và tái chế chất thải. Tăng cường năng lực dự báo, khả năng thích ứng biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó thiên tai, bão lũ, kịp thời phòng, chống và sẵn sàng các phương án ứng phó với thiên tai, bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân, khắc phục nhanh nhất hậu quả do thiên tai gây ra.

2. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa, con người Hưng Yên; đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả giáo dục đào tạo, y tế; cải thiện an sinh, phúc lợi xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân

- Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hưng Yên toàn diện hướng đến chân, thiện, mỹ; lấy con người làm trung tâm trong chính sách phát triển. Tạo đột phá trong phát triển ngành du lịch. Tăng cường đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng số, hệ thống viễn thông, thông tin và truyền thông. Bảo tồn, phát huy hiệu quả các di sản văn hóa, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng, mang đậm bản sắc của Hưng Yên. Phát triển ngành công nghiệp văn hóa, thể thao; khuyến khích đầu tư xã hội hóa lĩnh vực văn hóa, thể thao, giải trí; quy hoạch không gian thể thao, văn hóa sáng tạo, phát triển nghệ thuật. Khuyến khích phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; phát triển thể thao chuyên nghiệp và thể thao thành tích cao. Tăng cường hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; tổ chức các sự kiện kinh tế, xã hội, thể thao, văn hóa, ngoại giao tầm quốc gia, quốc tế; mở rộng hợp tác, liên kết vùng, liên tỉnh trong phát triển tour, tuyến du lịch, nâng cao chất lượng và sức hút của sản phẩm du lịch tỉnh Hưng Yên trong chuỗi giá trị du lịch vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước. Xây dựng, phát triển các cơ quan báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên

trách công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, giám sát và ứng phó kịp thời với các sự cố an ninh.

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số toàn diện. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đột phá phát triển và nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh giai đoạn 2026-2030. Phấn đấu đưa giáo dục phổ thông của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước. Phê duyệt thực hiện Đề án phát triển Trường THPT chuyên Hưng Yên; tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp toàn diện Trường THPT chuyên Thái Bình để đạt chuẩn, nhằm hướng 02 Trường trở thành các cơ sở giáo dục trọng điểm của khu vực. Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp; chủ động tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc gia; một số trường, một số ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 hoặc G20. Phát triển Trường Đại học Thái Bình trở thành trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, định hướng ứng dụng, có chất lượng cao, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; chủ động thu hút các trường đại học uy tín, chất lượng cao thành lập, mở phân hiệu, cơ sở đào tạo trên địa bàn.

- Nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của Nhân dân; phát triển hệ thống y tế đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Thể chế hóa và tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm đề ra trong Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị. Nâng cao toàn diện chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phát triển y tế chuyên sâu và bảo đảm an ninh y tế. Có chính sách, cơ chế đột phá trong huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân. Tập trung xây dựng, hoàn thiện, nâng cao năng lực y tế dự phòng, hệ thống y tế cơ sở bảo đảm phòng bệnh từ sớm, từ xa, từ cơ sở, sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng; hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần, được lập Sổ sức khỏe điện tử; đến năm 2030, 100% trạm y tế cấp xã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát an toàn thực phẩm. Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; có chính sách thích ứng với già hóa dân số; giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội. Hỗ trợ tạo việc làm mới, chú trọng phát triển thị trường lao động trong, ngoài nước để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Hợp tác, mở rộng thị trường lao động nước ngoài, hỗ trợ chính sách đối với người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Tiếp tục đầu tư hệ thống an sinh xã hội đồng bộ, tiến bộ, công bằng, bền vững. Thực hiện tốt chính sách bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân. Bảo đảm người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng; cải thiện điều kiện và nâng cao chất lượng sống của người dân.

3. Xây dựng chính quyền liên chính, hành động, trách nhiệm, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự của dân, do dân, vì Nhân dân phục vụ; đẩy nhanh thực hiện xây dựng chính quyền số. Đẩy mạnh cải cách hành chính đi đôi với chuyển đổi số, không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính quyền địa phương hai cấp tỉnh, gọn, hiệu lực, hiệu quả, sát dân, gần dân gần với sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa các cấp trong tỉnh. Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ các cấp đủ năng lực, trình độ, đạo đức, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy chiến lược, năng lực quản trị hiện đại đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, minh bạch dựa trên nền tảng chính quyền số và đẩy mạnh cải cách hành chính. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra; đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, đối thoại với nhân dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị ngay từ cơ sở; không để phát sinh đơn thư, khiếu kiện kéo dài, vượt cấp.

4. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và quốc phòng, quân sự địa phương; mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao Nhân dân.

Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện gắn sát mục tiêu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân hiện đại, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững mạnh. Bảo đảm hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hằng năm và chất lượng đề ra. Tổ chức thực hiện và hoàn thành 100% các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ dân sự; diễn tập tác chiến khu vực phòng thủ mỗi năm từ 2-3 sở, ngành; diễn tập chiến đấu phòng thủ 100% xã, phường. Xây dựng lực lượng Công an tỉnh chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. Hằng năm, giảm số người nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy; đến năm 2030 đạt ít nhất 50% số xã, phường, thị trấn không có ma túy. Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao kinh tế, ngoại giao nhân dân, lấy người dân địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm. Củng cố, làm sâu sắc hơn các quan hệ với các đối tác truyền thống, đồng thời chủ động, tích cực mở rộng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác phát triển với các đối tác mới, tiềm năng trên thế giới.

(Gửi kèm 02 Phụ lục các nhiệm vụ trọng tâm, Danh mục các công trình, dự án ưu tiên của tỉnh Hưng Yên để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số” giai đoạn 2026-2030)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa, triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Chương trình hành động này đảm bảo tiến độ, chất

lượng và hiệu quả; nghiên cứu, rà soát các giải pháp huy động nguồn lực để triển khai thực hiện kịp thời các nhiệm vụ đề ra, phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu chỉ tiêu đảm bảo tăng trưởng kinh tế “2 con số”.

2. Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động các đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình hành động; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

3. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo định kỳ hằng năm. Văn phòng Tỉnh ủy cập nhật tiến độ triển khai các nhiệm vụ trong Chương trình hành động trên nền tảng số để kịp thời thông tin, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

4. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định việc điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình hành động để phù hợp với điều kiện tình hình thực tiễn, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng, (để báo cáo)
- Ban CSCL Trung ương, (để báo cáo)
- Vụ Địa phương VPTW Đảng, (để báo cáo)
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- VPTU: CVP, PCVP^{TM, N},
- Lưu VPTU, Phòng TH^{Nh}.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Trần Quốc Toàn

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ “2 CON SỐ” GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Chương trình hành động số 08-HĐ/TU ngày 29/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên)



TT	Tên chương trình, đề án, nhiệm vụ	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời gian phê	Cơ quan quyết định	Sản phẩm
1	Đề án xây dựng Khu kinh tế tự do tỉnh Hưng Yên	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, Đảng ủy Ban Quản lý Khu kinh tế, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Bộ Chính trị/Quốc hội	Nghị quyết
2	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công thương và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
3	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành đô thị loại I đến năm 2035 và thành phố trực thuộc Trung ương, thông minh, sinh thái đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, Tài chính và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
4	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, Khu kinh tế và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
5	Đề án tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
6	Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
7	Đề án phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng và các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
8	Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả lĩnh vực thương mại, dịch vụ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công thương và các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết

9	Đề án phát triển lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số tỉnh Hưng yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, Đảng ủy Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
10	Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hệ thống giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo và các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
11	Đề án phát huy giá trị truyền thống văn hóa, con người trở thành động lực phát triển quan trọng của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
12	Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường; cơ quan, đơn vị liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
13	Đề án cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
14	Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ và các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
15	Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 -2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ và các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
16	Nghị quyết về tiếp tục phát triển đồng bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
17	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh	Nghị quyết

18	Chính sách khuyến khích các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao và tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh	Nghị quyết
19	Đề án xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy Sở Nội vụ và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
20	Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
21	Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Y tế, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
22	Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp giai đoạn 2026 - 2030.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đề án
23	Đề án tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Ban Nội chính Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Chi thị
24	Đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
25	Đề án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Xây dựng và các đảng ủy, sở, ngành, địa phương liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
26	Đề án phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, Liên minh Hợp tác xã và cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
27	Đề án phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết

28	Đề án cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
29	Đề án phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
30	Báo cáo rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Cơ quan có thẩm quyền (thực hiện theo trình tự quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi))	Quyết định

HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2017

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số 10/2016/KH-HĐGD

Ngày 28 tháng 12 năm 2016

STT	Công trình, dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (bắt đầu - kết thúc)	Ghi chú
1	DỰ ÁN GIAO THÔNG					
1	Dự án xây dựng tuyến đường kết nối đi sân văn hóa, du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng	Xây dựng tuyến đường kết nối đi sân văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng nhằm hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông vận tải thiết yếu của tỉnh Hưng Yên nói riêng, của khu vực nói chung theo quy hoạch được phê duyệt; phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân và khai thác được quỹ đất dọc hai bên tuyến, phát triển và hình thành các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dịch vụ du lịch ... thu hút đầu tư ; hình thành tuyến đường liên kết vùng kết nối các công trình đi sân văn hóa, tâm linh theo trục Thăng Long - Phố Hiến - Tam Chúc - Bãi Đình - Chùa Hương, kết nối giao thông vùng Hà Nội - Hưng Yên - Ninh Bình	Ngân sách Tỉnh	9.275	2025-2027	
2	Dự án đầu tư tuyến đường kết nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với nút giao Đồng Tu, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với nút giao Đồng Tu, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để tăng cường kết nối giao thông giữa tỉnh Hưng Yên với Hải Phòng, Ninh Bình, đồng thời kết nối giữa khu vực phía Nam tỉnh Hưng Yên với Hà Nội, tạo điều kiện thuận lợi kết nối hạ tầng giao thông tỉnh Hưng Yên với cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng để thông thương hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cảng Diêm Điền, Trà Lý, phát triển kinh tế xã hội liên vùng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông vận tải thiết yếu của tỉnh Hưng Yên nói riêng, của khu vực nói chung theo quy hoạch được phê duyệt, phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân và phát triển được quỹ đất dọc hai bên tuyến, phát triển và hình thành các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dịch vụ du lịch ... thu hút đầu tư trên địa bàn các tỉnh, hình thành mạng đường liên vùng kết nối các tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với các tỉnh Hưng Yên, Ninh Bình, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương và các vùng lân cận	Ngân sách Tỉnh	8.000	2025-2029	
3	Dự án xây dựng đường bên ĐT.379 đoạn từ nút giao với đường Vành đai 3,5 đến cầu vượt QL.39	Đầu tư xây dựng tuyến đường bên ĐT.379 đoạn từ nút giao với đường Vành đai 3,5 đến cầu vượt QL.39 nhằm nâng cao năng lực thông hành của tuyến đường ĐT.379. Giúp phân luồng giao thông, giảm ùn tắc, hạn chế tai nạn, nâng cao hiệu quả khai thác tuyến ĐT.379 và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân di chuyển. Thu hút đầu tư trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương và các vùng lân cận. Đồng thời, hiện thực hóa mục tiêu sớm nâng cấp tuyến ĐT.379 thành cao tốc Hưng Yên - Thái Bình (CT.16) theo Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024	Ngân sách Tỉnh	4.681	2026-2029	

STT	Công trình, dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (bắt đầu - kết thúc)	Ghi chú
4	Dự án xây dựng Khu Trung tâm chính trị và hành chính tập trung tỉnh Hưng Yên	Xây dựng trụ sở, nơi làm việc mới của các Ban đảng, các Đoàn thể, Tổ chức chính trị - xã hội; các sở, ngành, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, khối phục vụ hành chính công và dịch vụ cho tỉnh Hưng Yên sau khi sắp nhập	Ngân sách Tỉnh	2.984	2026-2028	
5	Xây dựng đường bên và các cầu vượt trên tuyến đường kết nối đi sân vận hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng.	Đầu tư xây dựng tuyến đường bên và các cầu vượt trên tuyến đường kết nối đi sân vận hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng nhằm nâng cao năng lực thông hành của tuyến đường kết nối đi sân vận hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng. Góp phần thúc đẩy phát triển du lịch trải nghiệm, tăng sức hút đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ, thương mại và nông nghiệp công nghệ cao, rút ngắn thời gian di chuyển, giúp hàng hóa lưu thông nhanh chóng, giảm chi phí logistics, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và khu vực	Ngân sách Tỉnh	2.850	2025-2028	
6	Dự án đầu tư xây dựng đường gom dọc QL.39 đoạn từ giao QL.5 đến mức giao cầu vượt QL.39 (Km9+926 lý trình QL.39)	Nhằm giảm tải lưu lượng giao thông cho tuyến chính, nâng cao năng lực thông hành trên tuyến; hoàn thiện và phát huy hiệu quả của Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên đang được đầu tư, từng bước hoàn thiện hệ thống đường gom và các vị trí đầu nối đường nhánh vào các quốc lộ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo Quy hoạch tỉnh. Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông trên tuyến, hạn chế tai nạn giao thông, tạo cảnh quan, mỹ quan đô thị và các khu công nghiệp, phục vụ nhu cầu tham gia giao thông của nhân dân trong khu vực; đồng thời tạo thuận lợi trong việc thu hút đầu tư trên địa bàn các xã Nguyễn Văn Linh, Yên Mỹ và các xã lân cận, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh	Ngân sách Tỉnh	2.441	2025-2028	
7	Dự án Xây dựng vành đai 3.5 (đoạn từ ĐT.378 đến QL.5)	Đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm đảm bảo giao thông đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân, tăng cường kết nối giữa các trục giao thông quan trọng của tỉnh, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh theo quy hoạch được duyệt, đồng thời tạo thuận lợi trong việc thu hút đầu tư trên địa bàn các xã Phụng Công, Văn Giang, Như Quỳnh và hiện thực hóa các nhiệm vụ tại Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX là tập trung mọi nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là giao thông. Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 28/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình phát triển giao thông, vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của các xã Phụng Công, Văn Giang, Như Quỳnh nói riêng, tỉnh Hưng Yên nói chung	Ngân sách Tỉnh	1.495	2025-2028	
II DỰ ÁN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP						
1	Dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	Ngoài ngân sách	4.932	2025-2028	
2	Dự án Khu công nghiệp Hải Long	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	Ngoài ngân sách	2.214	2024-2027	

STT	Công trình, dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (bắt đầu - kết thúc)	Ghi chú
3	Dự án Khu công nghiệp Hưng Phú	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	Ngoài ngân sách	2.321	2026-2028	
4	Dự án Khu công nghiệp Liên Hà Thái Phiên khu Nam	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	Ngoài ngân sách	2.400	2026-2028	
5	KCN THỎ HOÀNG (250 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	3.095	2026-2028	Đã cấp Giấy CNBKĐT
6	KCN SỐ 1 - (216,17 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	2.326	2026-2028	Đã cấp Giấy CNBKĐT
7	KCN Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám (KCN TÂN Á ĐẠI THÀNH) - (198,39 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	2.271	2026-2028	Đã cấp Giấy CNBKĐT
8	KCN Lý Thường Kiệt- Giai đoạn 1 - (235 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	2.822	2026-2028	Đã cấp Giấy CNBKĐT
9	KCN Văn Giang - Giai đoạn 1 - (203,55 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	3.320	2026-2028	Đã cấp Giấy CNBKĐT
10	KCN Tiên Lữ - Kim Đồng - Ân Thi - (457,5 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	Chưa có tổng mức đầu tư do chưa được chấp thuận CTBD/Giấy CNBKĐT	2027-2029	Đã hoàn thiện hồ sơ và Sở Xây dựng đã tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng KCN. Dự kiến sẽ hoàn thành chấp thuận chủ trương đầu tư trong Quý II/2026
11	KCN Tân Phúc- Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám - (200 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	Chưa có tổng mức đầu tư do chưa được chấp thuận CTBD/Giấy CNBKĐT	2027-2029	Đang khảo sát, xác định ranh giới, quy mô diện tích KCN và lập nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch phân KCN để trình thẩm định, phê duyệt theo quy định. Dự kiến sẽ hoàn thành chấp thuận chủ trương đầu tư trong Quý II/2026
12	KCN Phù Cừ - (544 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	Chưa có tổng mức đầu tư do chưa được chấp thuận CTBD/Giấy CNBKĐT	2027-2029	Đang khảo sát, xác định ranh giới, quy mô diện tích KCN và lập nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch phân KCN để trình thẩm định, phê duyệt theo quy định. Dự kiến hoàn thành chấp thuận chủ trương đầu tư trong Quý IV/2026

STT	Công trình, dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (bắt đầu - kết thúc)	Ghi chú
13	KCN số 07 - (198,6 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	Chưa có tổng mức đầu tư do chưa được chấp thuận CTĐT/Giấy CNĐKĐT	2027-2029	Ban Thường vụ tỉnh ủy đồng ý tiếp nhận đơn vị đăng ký tài trợ kinh phí khảo sát, lập quy hoạch phân khu. Dự kiến hoàn thành chấp thuận chủ trương đầu tư trong Quý IV/2026.
14	KCN Hưng Long - Ngọc Lâm - Xuân Dục - (391,7 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	Chưa có tổng mức đầu tư do chưa được chấp thuận CTĐT/Giấy CNĐKĐT	2027-2029	Ban Thường vụ tỉnh ủy đồng ý tiếp nhận đơn vị đăng ký tài trợ kinh phí khảo sát, lập quy hoạch phân khu. Dự kiến hoàn thành chấp thuận chủ trương đầu tư trong Quý IV/2026.
15	KCN Số 04 - (370,18 ha),	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	Chưa có tổng mức đầu tư do chưa được chấp thuận CTĐT/Giấy CNĐKĐT	2028-2030	Đang tổ chức lập quy hoạch phân khu, làm cơ sở chấp thuận chủ trương đầu tư.
16	KCN Kim động - Ân Thi - (399,68 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	Chưa có tổng mức đầu tư do chưa được chấp thuận CTĐT/Giấy CNĐKĐT	2028-2030	Đang tổ chức lập quy hoạch phân khu, làm cơ sở chấp thuận chủ trương đầu tư.
17	KCN Bãi Sậy (495 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	Chưa có tổng mức đầu tư do chưa được chấp thuận CTĐT/Giấy CNĐKĐT	2028-2030	Đang tổ chức lập quy hoạch phân khu, làm cơ sở chấp thuận chủ trương đầu tư.
18	KCN Ân Thi I (450 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	Chưa có tổng mức đầu tư do chưa được chấp thuận CTĐT/Giấy CNĐKĐT	2028-2030	Đang kêu gọi nhà đầu tư tài trợ kinh phí lập quy hoạch
19	KCN Phù Cừ - Tiên Lữ I (376 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	Chưa có tổng mức đầu tư do chưa được chấp thuận CTĐT/Giấy CNĐKĐT	2028-2030	Đang kêu gọi nhà đầu tư tài trợ kinh phí lập quy hoạch
20	KCN Chính Nghĩa - Phạm Ngũ Lão (200 ha)	Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN	Nguồn vốn khác (tư nhân)	Chưa có tổng mức đầu tư do chưa được chấp thuận CTĐT/Giấy CNĐKĐT	2028-2030	Đang kêu gọi nhà đầu tư tài trợ kinh phí lập quy hoạch
III MỘT SỐ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỨ CẤP						
1	Nhà máy sản xuất khăn giấy chất lượng cao Stavian	Sản xuất khăn giấy chất lượng cao từ bột giấy nguyên sinh	Nguồn vốn khác (tư nhân)	3.006	2025-2027	Đang hoàn thiện các TTHC liên quan để triển khai xây dựng
2	Nhà máy sản xuất và Thương mại sản phẩm Thép Hòa Phát Hưng Yên	Sản xuất tôn mạ kẽm, tôn mạ kẽm phủ sơn, tôn mạ lạnh phủ sơn; Sản xuất ống thép mạ kẽm nhúng nóng; ống thép đen và ống thép tôn mạ các loại	Nguồn vốn khác (tư nhân)	3.950	2025-2028	Đang hoàn thiện các TTHC liên quan để triển khai xây dựng

STT	Công trình, dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (bắt đầu - kết thúc)	Ghi chú
3	Nhà máy sản xuất bao bì công nghệ cao Quốc Hưng	Sản xuất bao bì, băng điện và các sản phẩm khác từ nhựa; Sản xuất thùng carton, hộp giấy, túi giấy, bao bì giấy ghép màng nhựa	Nguồn vốn khác (tư nhân)	1.500	2025-2029	Đang hoàn thiện các TTHC liên quan để triển khai xây dựng
4	Dự án Nhà máy TOTO Việt Nam thứ tư	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các thiết bị vệ sinh và phụ kiện liên quan	Nguồn vốn khác (nước ngoài)	3.706	2025-2028	Đang hoàn thiện các TTHC liên quan để triển khai xây dựng
5	Dự án nhà máy mới NITTO Việt Nam	Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết:Sản xuất cầu kiện hiển thị (tấm vật liệu phân cực dùng cho màn hình), sản xuất, gia công các loại băng dính và chất kết dính	Nguồn vốn khác (nước ngoài)	3.812	2024-2026	Đang xây dựng
6	Nhà máy ACECOOK THĂNG LONG - HƯNG YÊN	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất mì, phở, hủ tiếu, bún, miến ăn liền các loại; gói gia vị của các sản phẩm mì, phở, hủ tiếu, bún, miến ăn liền	Nguồn vốn khác (nước ngoài)	2.170	2025-2027	Đang xây dựng
7	Dự án Tổ hợp công nghiệp SLP PARK Hưng Yên 1	Cho thuê nhà xưởng, nhà kho và văn phòng tiêu chuẩn chất lượng cao; Cung cấp dịch vụ Logistics chất lượng cao (lưu kho và lưu giữ hàng hóa); Dịch vụ quản lý và tư vấn bất động sản.	Nguồn vốn khác (nước ngoài)	1.132	2025-2027	Đang hoàn thiện các TTHC liên quan để triển khai xây dựng
8	Dự án MOLEX Hưng Yên	Sản xuất các mang đặc thù; sản xuất cáp hai lõi; sản xuất linh kiện sợi quang và thiết bị kết nối điện tử; sản xuất mô đun sợi quang; sản xuất cụm cáp kết nối tốc độ cao	Nguồn vốn khác (nước ngoài)	8.783	2024-2032	Đã đưa giai đoạn 1 vào hoạt động, triển khai giai đoạn 2 từ năm 2026
9	Nhà máy công nghiệp REXON Việt Nam	Sản xuất, gia công máy tập thể dục, thể thao các loại; động cơ máy tập thể dục, thể thao; băng cảm ứng, bo mạch điều khiển máy thể dục, thể thao...	Nguồn vốn khác (nước ngoài)	1.020	2024-2029	Đang xây dựng
10	Nhà máy sản xuất bao bì SUNRISE Hưng Yên	Sản xuất lon kim loại (Bao gồm: lon nhôm, lon thiếc dùng cho thực phẩm và đồ uống)	Nguồn vốn khác (nước ngoài)	1.503	2025-2027	Đang xây dựng
11	Nhà máy Điện tử VINATECH ES	Sản xuất siêu tụ điện; Sản xuất bộ lưu trữ năng lượng	Nguồn vốn khác (nước ngoài)	2.496	2025-2030	Đang xây dựng

STT	Công trình, dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (bắt đầu - kết thúc)	Ghi chú
12	Nhà máy sản xuất khoa học và công nghệ TAILG Việt Nam	Sản xuất, lắp ráp xe máy điện, xe đạp điện, xe đạp điện trợ lực; Sản xuất, lắp ráp xe đạp, xe điện cho người khuyết tật; Cho thuê nhà xưởng; Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa xe máy điện, xe đạp điện, xe đạp điện trợ lực, xe đạp, xe điện cho người khuyết tật. Sản xuất mô tô, đồng cơ cho xe điện.	Nguồn vốn khác (ngoài ngoài)	1.588	2025-2027	Đang hoàn thiện các TTHC liên quan để triển khai xây dựng
13	Nhà máy Lotes Thái Thụy Việt Nam tại KCN Liên Hà Thái giai đoạn 2	Chân kết nối, cáp nối (cable) dùng cho máy tính, máy chủ, thiết bị điện tử và đầu nối ổ tộ; linh kiện, phụ kiện nhựa của chân kết nối dùng cho máy tính, máy chủ, thiết bị điện tử và đầu nối ổ tộ; linh kiện, cấu kiện kim loại dùng cho máy móc công nghiệp (máy móc lắp ráp chân kết nối và thiết bị đầu nối); linh kiện của thiết bị tản nhiệt; linh kiện của kim bấm nội soi y tế.	Ngoài ngân sách	1.409	01/2028-10/2029	
14	Dự án Nhà máy Greenworks Thái Bình Việt Nam giai đoạn 2, 3	Sản xuất thiết bị làm vườn	Ngoài ngân sách	3.342	12/2025~9/2028	
15	DA nhà máy Pegavision Việt Nam giai đoạn 2	Kính áp tròng	Ngoài ngân sách	2.680	12/2027-12/2029	
16	Dự án nhà máy Yuan Long Việt Nam giai đoạn 2	Sản xuất quạt trần, mô tô quạt trần, cánh quạt trần bằng gỗ và nhựa	Ngoài ngân sách	1.408	3/2025-9/2028	
17	Dự án xây dựng cơ sở lưu trú và kinh doanh dịch vụ Greenworks	Cơ sở lưu trú và kiốt cho thuê	Ngoài ngân sách	1.015	6/2025-12/2027	
18	Dự án nhà máy sản xuất, gia công các loại sản phẩm đồ chơi trẻ em - Công ty TNHH Fantasy Tech	sản xuất, gia công các loại sản phẩm đồ chơi trẻ em	Ngoài ngân sách	1.090	3/2026-10/2027	
19	Dự án nhà máy sản xuất lồng thủ cung Yuc Wang Thái Bình	SX lồng thủ cung và các SP cho thú cưng	Ngoài ngân sách	1.270	10/2025-6/2028	
20	Dự án cảng Đông Hải	Cảng thủy nội địa tiếp nhận tàu đến 2.000 tấn	Ngoài ngân sách	1.197	2026-2029	
21	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất giấy gói quà, túi giấy và các sản phẩm từ giấy	Sản xuất giấy gói quà, túi giấy và các sản phẩm từ giấy	Ngoài ngân sách	1.908	10/2025-12/2027	
22	Dự án nhà máy sản xuất ô tô GEL O&J	Sản xuất, lắp ráp ô tô	Ngoài ngân sách	8.125	10/2025-12/2029	

STT	Công trình, dự án	Mục tiêu	Nguồn vốn	Dự kiến tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Thời hạn (bắt đầu - kết thúc)	Ghi chú
23	Dự án nhà máy sản xuất Amoniac	sản xuất Amoniac	Ngoài ngân sách	6.500	10/2025- 10/2029	
24	Dự án nhà máy giấy bao bì công nghệ cao Thái Bình	Sản xuất giấy bao bì chất lượng cao từ nguyên liệu giấy phế liệu tái chế và bột giấy	Ngoài ngân sách	3.650	12/2025- 10/2028	
25	Dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô Tasco	Sản xuất, lắp ráp xe ô tô dưới 9 chỗ	Ngoài ngân sách	4.803	12/2025- 10/2028	